

SỰ RA ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐỒN ĐIỆN CAO SU Ở THỦ DẦU MỘT TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN NĂM 1975

NGUYỄN VĂN HIỆP*

1. Khái quát về vùng đất Thủ Dầu Một

Tỉnh Thủ Dầu Một - Bình Dương (1) nằm trên dải đất nổi Nam dãy Trường Sơn với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, địa hình lượn sóng thấp dần từ Bắc xuống Nam với độ cao chuyển dịch từ 10m đến 15m so với mặt nước biển. Thổ nhưỡng ở đây đa dạng về loại hình, bao gồm vùng đất xám trên phù sa cổ (phân bố ở Dầu Tiếng, Bến Cát, Thuận An, Thị xã Thủ Dầu Một); vùng đất nâu vàng trên phù sa cổ (phân bố ở Tân Uyên, Phú Giáo, Thuận An); vùng đất dốc tụ trên phù sa cổ (phân bố ở Tân Uyên, Phú Giáo, Bến Cát, Dầu Tiếng, Thuận An, Dĩ An)... Không kể các suối rạch nhỏ có ở hầu khắp địa bàn, Thủ Dầu Một có các con sông lớn chảy qua: Đồng Nai, Sài Gòn, sông Bé và sông Thị Tính. Sông Đồng Nai bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên chảy qua địa phận Bình Dương tại huyện Tân Uyên. Sông Sài Gòn chảy từ Lộc Ninh, qua Dầu Tiếng, thị xã Thủ Dầu Một, Lái Thiêu; với một chi lưu lớn là sông Thị Tính chảy từ Cầm Xe - Bình Long qua Bến Cát đổ ra sông Sài Gòn. Sông Bé bắt nguồn từ Đăk Lăk, đoạn chảy qua Bình Dương dài 80km uốn lượn khúc khuỷu, nhiều ngầm gềnh và bờ dốc đứng hiểm trở. Thủ Dầu Một có chế độ khí hậu điển hình ở miền

Đông Nam Bộ. Một năm chia thành mùa mưa và mùa khô rõ rệt: mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11 Dương lịch và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 26°C - 27°C trong biên độ 16°C - 39°C . Độ ẩm trung bình 76%-80% trong khoảng cách dịch chuyển từ 66% đến 86%. Lượng mưa trung bình từ 1.800mm đến 2.000mm.

Thủ Dầu Một cách Thành phố Sài Gòn (nay là Tp. Hồ Chí Minh) 30 km về phía Bắc, Thủ Dầu Một có vị trí giao thông thuận lợi. Không kể hệ thống giao thông đường thủy được tạo bởi các con sông đã nêu ở trên, đường bộ trên địa bàn tỉnh có Quốc lộ 13 (xuất phát từ Thành phố Sài Gòn chạy qua địa bàn tỉnh, lên Lộc Ninh, sang Campuchia); Quốc lộ 14 (nối từ quốc lộ 13 sang Đồng Xoài, lên Đăk Nông, Đăk Lăk, Tây Nguyên); các liên tỉnh lộ, tỉnh lộ từ thị xã Thủ Dầu Một đi Phước Long; từ Chơn Thành qua Dầu Tiếng; từ Bến Cát đi Dầu Tiếng, từ Tân Uyên đi Phước Vĩnh... và hệ thống đường liên huyện, liên xã, đến từng điểm dân cư. Ngoài ra, còn có đường sắt Sài Gòn - Lộc Ninh, với Sài Gòn - Gò Vấp - Ngã tư Ga - cầu Phú Long - Lái Thiêu - Thủ Dầu Một - bến Đồng Sở - Hớn Quản - Lộc Ninh.

* PGS.TS. Trường Đại học Thủ Dầu Một

Trước khi người Pháp xâm lược (1859) và du nhập cây cao su vào đất Thủ Dầu Một, nơi đây từng có nền kinh tế phát triển so với khu vực. Trong thời kỳ khai phá và tạo dựng (thế kỷ XVII-XVIII), nông nghiệp Thủ Dầu Một được biết đến với những thửa lúa, hoa màu, vườn cây ăn trái... tùy vào từng loại địa hình và chất đất, thủy lợi bắt đầu được ứng dụng. Các nghề tiểu thủ công nghiệp phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của cư dân như gốm, dệt, mộc, lò đường, đan lát phát triển. Sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp không chỉ dừng ở nhu cầu tự cấp, tự túc mà đã trở thành hàng hóa, được mua bán, luân chuyển khắp nơi. Hệ thống chợ, nơi phục vụ cho nhu cầu trao đổi, buôn bán của người dân ra đời dọc bên sông. Từ khi thực dân Pháp đưa quân xâm lược và đặt ách thống trị bằng cơ chế trực trị lên đất Nam Kỳ, cũng như các địa phương vùng Đồng Nai - Gia Định, cư dân Thủ Dầu Một chủ yếu tự khai phá đất đai, làm ruộng lúa, trồng hoa màu, chăn nuôi gia súc, đánh bắt thủy sản và sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp, trong đó có mặt hàng được giao thương đến nhiều địa phương trong cả nước.

Điều kiện tự nhiên, địa lý và truyền thống sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là những nhân tố quan trọng, làm cho nơi đây sớm trở thành một trong những trung tâm phát triển cây cao su khi người Pháp bắt đầu cuộc khai thác thuộc địa ở Việt Nam và Đông Dương từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

2. Sự ra đời và hoạt động của các đồn điền cao su ở Thủ Dầu Một

Khởi binh tiến công Cần Giuộc từ năm 1859, thực dân Pháp hoàn tất quá trình xâm lược Việt Nam vào năm 1884 với Hiệp ước Patenôtre. Từ đây, người Pháp bắt đầu quá trình khai thác thuộc địa Việt Nam,

trong đó có vùng đất Thủ Dầu Một. Trong toàn bộ chính sách khai thác thuộc địa Việt Nam với vết bóc lột, thực dân Pháp chú trọng nhiều đến ngành nông nghiệp (lúa, cao su, cà phê, chè...) không cần nhiều vốn đầu tư mà dễ thu lợi nhuận cao. Giới tư bản thực dân dựa vào quân đội viễn chinh để cướp đoạt ruộng đất của nông dân để lập đồn điền trồng lúa và trồng các loại cây công nghiệp dài ngày. Năm 1888, Toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định cho phép các colon (địa chủ thực dân) được quyền lập các đồn điền ở những vùng mà chúng tự gọi là "đất vô chủ", thực chất là đất đai của các hộ dân địa phương bị chúng cưỡng đoạt. Chỉ 2 năm sau khi ban hành Nghị định nói trên, tại Nam Kỳ, thực dân đã chiếm được 308.000 ha. Từ đó, một loạt colon Pháp như Paul Emery, Labat, Porondo, Lika..., xuất hiện, mỗi colon làm chủ một đồn điền với diện tích khoảng từ 20.000ha đất trở lên. Trong các đồn điền nói trên, có các đồn điền cao su.

Thực ra, ngay từ khi chưa hoàn tất công cuộc đánh chiếm toàn bộ Việt Nam, thực dân Pháp đã có ý định phát triển cây cao su tại vùng đất đỏ, xám miền Đông Nam Kỳ, nơi có điều kiện tự nhiên rất thích hợp với loại cây này. Năm 1877, một người Pháp tên là Pierre mang hạt giống cây cao su từ Singapore về, lập vườn ươm thử ở vườn Bách thảo Sài Gòn nhưng không thành công. Đến năm 1879, toàn quyền Paul Doumer cho lập hai trung tâm nghiên cứu thí nghiệm cây cao su ở vườn thí nghiệm Ông Yêm - Thủ Dầu Một (do Dược sĩ Raul phụ trách) và ở Suối Dầu - Nha Trang (do Bác sĩ Yersin phụ trách). Đến năm 1897, cả hai trại thí nghiệm nói trên đều nhân giống thành công cây cao su. Sau khi trồng thử nghiệm thành công, giới tư bản Pháp ồ ạt hùn vốn thành lập công ty kinh doanh ngành cao su ở Đông Dương. Tại Thủ Dầu Một có các công ty sau:

- Công ty cao su Đất Đỏ (*Plantations des terres rouges*), với các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch, phòng nghiên cứu bầu Ông Yêm. Ngoài ra công ty này còn có các đồn điền Bình Sơn, Phú Hưng và một số đồn điền ở Campuchia. Công ty cao su Đất Đỏ thành lập năm 1908, đặt trụ sở tại Quản Lợi, được chính quyền Pháp hỗ trợ tài chính và trực tiếp quản lý, với số vốn ban đầu là 2.300.000fr, gồm 23.000 cổ phần, mỗi cổ phần 100fr. Năm 1923, số vốn tăng lên tới 36 triệu fr, năm 1925: 46 triệu, năm 1935: 110 triệu fr. Đến năm 1930, diện tích cao su của công ty này lên đến 32.000 ha, với 20.000 công nhân, hàng năm sản xuất từ 35-40% sản lượng cao su toàn Đông Dương; trong đó đồn điền Quản Lợi 5.372,35 ha, đồn điền Xa Cam 3.100,63 ha, đồn điền Xa Trạch 1.613,5 ha (2).

- Công ty cao su Viễn Đông (*Société de Caoutchoues d'Extrême-Orient*, tên thường gọi là Công ty CEXO), với các đồn điền: Xa Cát, Minh Thạnh. Ngoài ra công ty này còn có các đồn điền Lộc Ninh, Đa Kia. Công ty cao su Viễn Đông do De Laland sáng lập năm 1911, trụ sở đặt tại Paris trên cơ sở hợp nhất giữa Công ty cao su Đông Dương với Công ty cây trồng nhiệt đới Đông Dương; với số vốn ban đầu là 1.500.000 fr (gồm 15.000 cổ phần, mỗi cổ phần 100 fr), năm 1912: 4.000.000 fr, năm 1917: 6.000.000 fr, năm 1920: 8.000.000 fr, năm 1934: 28.000.000 fr. Đến năm 1930, đồn điền Xa Cát có diện tích 3.500ha, đồn điền Minh Thạnh có diện tích 3.534 ha.

- Công ty cao su Michelin (*Société des Plantations et pneumatiques Michelin au Việt Nam*), với các đồn điền Dầu Tiếng, Thuận Lợi. Ngoài ra công ty này còn đồn điền Phú Riềng. Công ty cao su Michelin do De Lafon sáng lập năm 1917, đặt trụ sở tại

Dầu Tiếng. Đến năm 1930, đồn điền Dầu Tiếng có diện tích 7.000 ha, đồn điền Phú Riềng và Thuận Lợi có diện tích 3.000 ha. Sau cuộc đấu tranh lớn của công nhân đồn điền Phú Riềng ngày 3-2-1930, Công ty Michelin sáp nhập hai đồn điền Phú Riềng và Thuận lợi, lấy tên là đồn điền Thuận Lợi. Đến năm 1943, Michelin phát triển thành một trong những công ty lớn, chiếm 7% toàn bộ diện tích cao su khai thác, chiếm 11% tổng sản lượng toàn Đông Dương (3).

- Công ty cao su Phước Hòa (*Société des Caoutchoues de Phuoc Hoa*), chỉ có một đồn điền - Plantation de Labbé, nên thường được gọi là đồn điền Labbé. Công ty cao su Phước Hòa được thành lập bởi một nhóm tư bản nhỏ người Pháp, trụ sở đặt tại Phước Hoà, diện tích ngày càng mở rộng gần 2.000 ha. Từ năm 1927, công ty bắt đầu đưa vườn cây vào khai thác. Ngoài khai thác chế biến mủ, công ty còn sản xuất một số mặt hàng từ mủ cao su như xăm lốp ô tô, xe đạp (4).

Như vậy, trong số bốn công ty cao su lớn nhất có mặt tại Việt Nam thì có đến ba công ty có các các đồn điền lớn tại Thủ Dầu Một, và nơi đây chiếm một tỷ trọng lớn về diện tích vườn cây và sản lượng mủ cao su thu được hàng năm (5).

Bên cạnh các công ty của tư bản Pháp tại Thủ Dầu Một còn có một số đồn điền cao su nhỏ khác. Loại hạng trung (diện tích từ 100-499 ha) có đồn điền của Đốc phủ sứ Lương Khắc Ninh và chủ kho bạc Nguyễn Văn Yên. Loại nhỏ (diện tích từ 99 ha trở xuống) có đồn điền của một số tư sản nhỏ khác là người Việt hoặc Hoa kiều (6). Các chủ đồn điền người Việt và Hoa kiều thường được thừa hưởng những vùng đất của dòng họ để lại, tuy nhiên hoạt động khai hoang trồng mới, chế biến và xuất khẩu mủ hạn chế do khó khăn về tài chính, không được ngân hàng cho vay vốn và sự

hỗ trợ pháp lý từ chính quyền thực dân Pháp. Hầu hết trong số họ thiếu kiến thức về khoa học kỹ thuật, nhân công làm việc chủ yếu là thân nhân trong gia tộc, không được đào tạo kỹ năng sản xuất và thiếu sự quản lý, kiểm soát chặt chẽ quy trình kỹ thuật trồng, khai thác. Khâu chế biến sản phẩm mủ thu được phải lệ thuộc vào nhà máy của các công ty lớn của Pháp. Diện tích cây cao su và sản lượng mủ của các công ty tư bản Pháp tại Nam Kỳ ngày một tăng. Tính chung ở các tỉnh miền Đông Nam Kỳ, năm 1918 có 7.000 ha cây cao su, đến năm 1930 là 127.707 ha (tăng gấp 18 lần); sản lượng mủ cao su cũng thu tăng từ 150 tấn năm 1914 lên 10.309 tấn năm 1929. Riêng các đồn điền thuộc 4 công ty của tư bản Pháp và các sở cao su của điền chủ người Việt, Hoa kiều) trên địa bàn Thủ Dầu Một trong những năm 1927-1930 như bảng 1 (7):

Bảng 1: Diện tích và sản lượng cây cao su trên địa bàn Thủ Dầu Một (1927-1930)

Năm	Diện tích cây cao su (ha)	Sản lượng mủ thu được (tấn)
1927	31.414	3.268
1928	29.150	3.572
1929	33.100	4.136
1930	70.000	14.000

Sự xuất hiện và phát triển của cây cao su đã dẫn đến sự hình thành một đội ngũ công nhân nông nghiệp với số lượng hàng ngàn người, làm chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội ở Thủ Dầu Một từ những năm đầu thế kỷ XX đến năm 1945.

3. Thực trạng đồn điền cao su ở Thủ Dầu Một giai đoạn 1945-1975

Từ sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, các chủ đồn điền người Pháp bỏ chạy, toàn bộ diện tích vườn cây và nhà máy chế biến cao su thuộc các công ty Pháp trở thành tài sản của nhân dân. Trong lúc

đó, mặc dù Pháp thuộc phe thắng trận trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ II, nhưng nước Pháp bị lâm vào tình trạng khủng hoảng, rối ren về chính trị, suy yếu về kinh tế (8). Tập đoàn tư bản tài phiệt Pháp, được sự ủng hộ và giật dây của Anh, Mỹ, quyết tâm trở lại Đông Dương, giành lại thuộc địa vừa để mất, nhằm góp phần vãn hồi nền kinh tế và bảo vệ hệ thống thuộc địa rộng lớn đang bị lung lay. Đêm 22 rạng 23-9-1945, dựa vào thế lực Anh và hơn 5.000 lính Nhật, thực dân Pháp nổ súng tiến công Sài Gòn, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam một lần nữa.

Bám theo gót đội quân viễn chinh xâm lược, các chủ công ty tư bản Pháp quay trở lại Việt Nam, tái chiếm đồn điền cũ, khôi phục sản xuất kinh doanh để làm giàu và phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược. Tại Thủ Dầu Một, đến giữa tháng 2-1946, các chủ sở đồn điền (Fairber - đồn điền Dầu Tiếng, Gachard - đồn điền Quân Lợi, Momser - đồn điền Xa Cát, Lossel - đồn điền Xa Cam, Morange - đồn điền Xa Trạch...) lần lượt đoạt lại đồn điền, quy tập công nhân, đưa vườn cây, nhà máy vào hoạt động. Khác với thời kỳ trước năm 1945, để đối phó với phong trào kháng chiến của nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng, ngoài hệ thống ký, cai, các chủ đồn điền xây dựng lực lượng quân sự đặc nhiệm, tăng cường liên kết với các đơn vị quân đội viễn chinh. Mỗi đồn điền cao su là một cơ sở kinh tế, đồng thời cũng là một cứ điểm quân sự của thực dân Pháp. "Tây đồn điền" và "Tây nhà binh" phối hợp vừa bảo vệ hoạt động sản xuất kinh doanh cao su, vừa kiểm soát đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân và bình định vùng xung quanh đồn điền.

Từ đầu năm 1948, thực dân Pháp chuyển sang đánh kéo dài, quay trở lại bình định Nam Bộ, thực hiện “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”. Các công ty tư bản Pháp đầu tư thêm vốn, đưa thêm nhân viên quản lý, nhân viên kỹ thuật sang Việt Nam và Đông Dương. Chúng phục hồi các đồn điền bị bỏ hoang từ năm 1945 hoặc bị cách mạng phá trong năm 1947; mở rộng diện tích trồng mới và tăng quy mô các nhà máy chế biến; xây dựng cơ sở hạ tầng như đường sá, bến tàu, sân bay, kho bãi. Diện tích vườn cây và sản lượng mủ thu được của tư bản Pháp ở Thủ Dầu Một cao hơn năm trước:

Bảng 2: Diện tích và sản lượng cao su ở một số đồn điền trên địa bàn Thủ Dầu Một năm 1940 và 1948 (9)

Đồn điền	Diện tích cây cao su (ha)		Sản lượng mủ thu được (tấn)	
	Tổng diện tích	Diện tích cao	Năm 1940	Năm 1948
Dầu Tiếng	8.437	3.200	700	600
Minh Thạnh	1.900	450	50	30
Quần Lợi	6.273	450	600	220
IRCI	200	Thí nghiệm	7	5
Xa Cát	2.745	400	90	21
Xa Cam	3.109	660	250	70
Xa Trạch	2.068	958	95	80
Lộc Ninh	7.000	3.500	600	600
Bré Linh	300	150	15	10
Cộng	32.032	9.768	28.884/năm	19.632/năm

Theo bảng 2, trong năm 1948 có 9 đồn điền cao su ở Thủ Dầu Một thu được 19.632 tấn mủ, nhân với 35.000đ/tấn (giá bán tại Sài Gòn cùng thời điểm) thành 687.120.000đ, chưa kể tiền thu từ mủ rơi, mủ miệng, mủ vỏ... Chín đồn điền nói trên sử dụng khoảng 9.000 công nhân, lương mỗi công nhân là 6đ/ngày, thành 16.848.000đ/năm. Bài toán: tổng thu 687.120.000đ (chưa kể mủ rơi, mủ miệng, mủ vỏ) - tổng chi 16.848.000đ (chưa kể khấu hao dụng cụ, máy móc) = 670.272.000đ/năm. Đó là một khoản thu rất lớn của các công ty tư bản Pháp ở riêng Thủ Dầu Một (10). Và tiền thuế từ khoản

thu nhập này chiếm một con số không nhỏ trong quỹ ngân sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” của thực dân Pháp tại Việt Nam và Đông Dương.

Cũng khác với thời kỳ trước năm 1945, phong trào đấu tranh của công nhân cao su diễn ra mạnh mẽ hơn dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, ủy ban kháng chiến địa phương và tổ chức Công đoàn các đồn điền. Một trong những nội dung đấu tranh điển hình của công nhân cao su trong giai đoạn đầu kháng chiến là chặt cây, đốt mủ, phá nhà máy chế biến. Tính từ ngày Nam Bộ kháng chiến (23-9-1945) đến tháng 12-1948, theo thống kê chưa đầy đủ, công nhân cao su ở

Thủ Dầu Một đã chặt vạc vỏ cây 3.652 mẫu, phá 388 cơ sở sản xuất chế biến mủ, đốt 8 kho nguyên liệu, hàng hoá, 200 thùng đựng mủ, tổng số thiệt hại tính thành tiền lên đến 4.545.301 đồng (11). Tính riêng năm 1947, các đồn điền cao su ở Thủ Dầu Một đã thực hiện như sau: Đồn điền Hớn Quản phá 147 mẫu vườn cây, 194.000 chén máng hứng mủ, 2 kho chứa mủ, 450 tấn mủ, 200 thùng đựng mủ; Đồn điền Dầu Tiếng phá 720 mẫu vườn cây, 200.000 chén máng hứng mủ, 2 kho dụng cụ sản xuất mủ; Đồn điền Minh Thạnh phá 285 mẫu vườn cây, 302.800 chén máng hứng mủ, 1 nhà xông mủ, 1 máy cán mủ; Đồn điền Xa Cam phá 58 mẫu vườn cây,

23.000 chén máng hứng mủ; Đồn điền Quản Lợi phá 1.000 lít mủ, 1 nhà xông mủ; Đồn điền Xa Cát phá 6 mẫu vườn cây, 2.735 chén máng hứng mủ (12).

Trong năm 1948, công nhân các đồn điền cao su ở Thủ Dầu Một phá 2.384 mẫu cao su, đập 225.500 chén, máng hứng mủ (13); năm 1949, phá 212 mẫu và 74.180 cây cao su, trị giá 2.225.400đ (14). Hoạt động phá hoại cao su của công nhân đã gây cho tư bản Pháp nhiều khó khăn, tổn thất. Tình hình trên làm cho hoạt động khai thác ngành cao su gặp không ít khó khăn. Về cuối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, một số đồn điền cao su gần nơi diễn ra các hoạt động quân sự lớn bị thu hẹp diện tích, thậm chí có nơi bỏ hoang, sản lượng mủ giảm đáng kể. Trên địa bàn Thủ Dầu Một, các đồn điền Dầu Tiếng, Hớn Quản để giảm doanh số lợi nhuận. Có nơi, chủ đồn điền người Pháp bỏ về Sài Gòn, phó mặc cho quản lý người Việt trông coi việc sản xuất. Theo mật điện “Về tình hình cao su” của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ gửi Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam số 42 ngày 21-12-1949, trước tháng 9-1945, diện tích cao su Nam bộ có 94.288 ha, nay còn 50.912 mẫu đang khai thác với 31 sở; thiệt hại của tư bản Pháp do bị ta phá hoại tính từ đầu cuộc kháng chiến đến nay trị giá tổng cộng 205.472.994 đồng (15).

Mặc dù Hiệp định Genève (1954) đã được ký kết, nhưng lấy lý do không ký vào bản Hiệp định nên Mỹ không chịu thi hành Hiệp định, trực tiếp nhảy vào miền Nam Việt Nam, thiết lập thể chế chính trị thân Mỹ, áp đặt chính sách thực dân kiểu mới, xây dựng bộ máy bạo lực phản cách mạng và sử dụng bộ máy ấy để đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng miền Nam. Để đảm bảo sự tồn tại của chế độ, ngoài việc thanh

trừ các phe phái chống đối, xây dựng bộ máy hành chính, quân đội, công an, chính quyền Việt Nam cộng hòa chú trọng phát triển kinh tế, nhất là nông nghiệp, trong đó có ngành cao su. Dựa vào viện trợ của Mỹ, Ngô Đình Diệm thực hiện chính sách cải cách điền địa, chủ trương phát triển diện tích trồng cao su dinh điền lên 150.000 ha trong năm 1965. Thực hiện chủ trương trên, Diệm ký sắc lệnh “Quốc gia nông tìn cuộc”, mở trương mục đặc biệt lấy tên “Quỹ khuyến khích giới tư sản Việt, Hoa phát triển cao su.

Mặc dù tìm cách bài trừ lực lượng thân Pháp và ảnh hưởng của Pháp, nhưng do ưu thế tuyệt đối của Pháp về lĩnh vực khai thác, chế biến và xuất khẩu cao su, nên chính sách của chính quyền Diệm cũng tránh sự đụng chạm đến quyền lợi kinh tế của tư bản Pháp. Do vậy, mặc dù không còn chỗ dựa trực tiếp vào lực lượng chính trị và quân sự Pháp, giới tư bản đồn điền tiếp tục đầu tư vốn, phục hồi và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cao su. Số lượng công nhân dần tăng trở lại. Năm 1956, ở Thủ Dầu Một, số lượng công nhân hợp đồng và nhân công lao động tùy dịp là: đồn điền Quản Lợi 1.328 hợp đồng, 1.148 tùy dịp; đồn điền Xa Cam 887 hợp đồng, 636 tùy dịp; đồn điền Xa Trạch 3.705 hợp đồng, 2.131 tùy dịp (16).

Tính cả miền Nam, trong đó các công ty ở Thủ Dầu Một chiếm tỷ trọng lớn, tình hình sản xuất kinh doanh cao su trong sáu năm (1955-1961) dao động trong biên độ từ 63.756 ha đến 80.030 ha diện tích vườn cây và từ 1.399.841.000 đến 1.679.854.000 (17). Từ sau năm 1961, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chuyển từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng. Cường độ cuộc giao tranh ngày càng cao. Thủ Dầu

Một với Chiến khu Đ, Bến Cát, Bàu Bàng, Dầu Tiếng, vùng Tam Giác Sắt... trở thành địa bàn đánh phá ác liệt của địch. Nhiều trận đánh, chiến dịch diễn ra trên vườn cây các đồn điền cao su. Công nhân ngày càng ít do các hộ dân bị gom vào ấp chiến lược và nam nữ thanh niên công nhân thoát ly đi kháng chiến. Mặt khác, chính quyền Diệm thực hiện chính sách độc quyền xuất cảng cao su, việc xuất khẩu mủ cao su phải thông qua Trần Lệ Xuân với thuế suất cao (40%), giá cao su thiên nhiên trên thị trường quốc tế giảm mạnh. Diện tích trồng, khai thác và xuất khẩu mủ cao su do đó ngày càng giảm. Nếu năm 1961 số lượng mủ cao su xuất khẩu là 83.403 tấn thì năm 1965 chỉ còn 58.181 tấn (18).

Từ giữa năm 1965, Mỹ trực tiếp đưa quân chiến đấu vào chiến trường miền Nam Việt Nam, đổ quân ở Lai Khê, Phú Lợi và nhiều vị trí khác ở Thủ Dầu Một. So sánh lực lượng địch - ta tại địa phương thay đổi đột ngột. Cường độ các cuộc giao tranh diễn ra với quy mô lớn và rất ác liệt. Đặc biệt, sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) của quân và dân ta, quân đội Sài Gòn dùng xe tăng, bom pháo, chất khai quang ủi phá, phát quang cao su dọc các trục lộ tạo, hủy diệt toàn bộ 11 đồn điền ở Tân Uyên dọc lộ 16, 30 đồn điền dọc Quốc lộ 13 từ Lai Khê đến Bàu Bàng, các làng 7, 18, 21, 22 của Dầu Tiếng, làm hư hại 4.000 ha cao su ở Brêlinh, Bàu Bàng... Nhiều vườn cây bị bom đạn tàn phá không thể cạo mủ, hàng loạt gia đình công nhân bỏ đồn điền tạm lánh về vùng giải phóng, vùng căn cứ địa. Các đồn điền ở Dầu Tiếng, Minh Thạnh, Hòn Quản thu hẹp phạm vi sản xuất, đồn điền Thuận Lợi ngưng hẳn hoạt động khai thác và sản xuất cao su. Trên toàn địa bàn miền Đông Nam Bộ, nếu năm 1965 diện tích vườn cây là

121.660 ha và số lượng mủ xuất khẩu là 58.161 tấn, thì con số ấy năm 1972 chỉ còn 83.300 ha và 20.000 tấn (19):

Mặc dù buộc phải ký kết Hiệp định Paris về Việt Nam (1973), nhưng chính quyền Nguyễn Văn Thiệu không chịu thi hành Hiệp định, đẩy mạnh bình định lần chiếm một cách quyết liệt, uy hiếp, sẵn sàng gây lại chiến tranh lớn. Quân và dân miền Nam nói chung, tỉnh Thủ Dầu Một nói riêng nhanh chóng uốn nắn những lúng túng ban đầu ở một vài địa phương, chuyển sang tiến công giành thế chủ động trên các chiến trường, thực hành tạo thế tạo lực, xúc tiến mọi mặt công tác chuẩn bị trong mùa khô 1974-1975, tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. Mức độ giao tranh trên các chiến trường giảm hẳn, các đồn điền cao su dần phục hồi sản xuất. Từ giữa năm 1973, các công ty đồn điền cao su lớn của tư bản Pháp bắt đầu khôi phục lại những vườn cây bỏ hoang trước đó, sửa chữa một số nhà máy để chế biến mủ (20).

Bên cạnh các công ty, đồn điền ở vùng địch, còn có một số đồn điền thuộc vùng giải phóng, do chính quyền cách mạng quản lý. Riêng số công nhân làm việc tại vùng cao su giải phóng ở Dầu Tiếng là 581 (9.690 nhân khẩu gia thuộc); ở Phước Hòa là 308 (1.046 nhân khẩu gia thuộc) (21). Trong những năm 1974-1975, các đồn điền cao su cả ở vùng địch và vùng chính quyền cách mạng kiểm soát, mọi hoạt động sản xuất vẫn diễn ra bình thường. Tuy nhiên, do tình hình chiến sự, nhiều chủ đồn điền người Pháp bỏ về Sài Gòn, giao việc quản lý cho trợ lý người Việt, một số đồn điền tự nguyện đóng thuế ủng hộ chính quyền cách mạng. Công nhân và thân nhân gia thuộc tích cực tham gia công tác chuẩn bị chiến trường, giao liên, vận tải, và trực tiếp chiến đấu giải phóng đồn điền. Ở vùng giải

phóng, công nhân khai thác mỏ, đưa về Lộc Ninh vận chuyển theo đường Hồ Chí Minh ra miền Bắc. Lần lượt, Dầu Tiếng và các đồn điền khác ở tỉnh Thủ Dầu Một được hoàn toàn giải phóng.

4. Kết luận

Do đặc điểm điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý mà Thủ Dầu Một thu hút sự chú ý của giới địa chủ thực dân Pháp trong chiến lược khai thác thuộc địa, chiếm đoạt đất đai để lập các đồn điền nông nghiệp sau khi quân viễn chinh hoàn tất công cuộc đánh chiếm Nam Kỳ vào năm 1884. Một trong hai trung tâm nghiên cứu thí nghiệm cây cao su thành lập ở Việt Nam theo chỉ thị của toàn quyền Paul Doumer vào năm 1879 được đặt tại Thủ Dầu Một (Ông Yêm - Bến Cát). Sau khi trồng thử nghiệm thành công, từ đầu thế kỷ 20, nhiều công ty tư bản hàng đầu Pháp đã thành lập các đồn điền cao su tại đây. Trong 4 công ty cao su lớn nhất có mặt tại Việt Nam là Terres rouges, SIPH, CEXO, Michelin, đã có 3 công ty có đồn điền tại Thủ Dầu Một Terres rouges, CEXO và Michelin.

Trong giai đoạn 1945-1954, tư bản thực dân Pháp thực hành khai thác ngành kinh tế cao su trong điều kiện Việt Nam đã giành được độc lập và đang kiên quyết kháng chiến. Tại Thủ Dầu Một, nơi tập trung nhiều căn cứ địa kháng chiến của Ủy ban Nam Bộ, của Khu 7, Khu Sài Gòn - Chợ Lớn, phong trào kháng chiến diễn ra đặc biệt sôi động và nhạy cảm với mọi diễn biến về quân sự, chính trị, kinh tế ở Sài Gòn, ở Việt Bắc và cả ở nước Pháp. Chủ các đồn điền ở Thủ Dầu Một như CEXO, Terres rouges, Michelin, Laphe... buộc phải dựa vào lực lượng quân đội viễn chinh để duy trì và phát triển sản xuất, vừa thu lợi

nhuận để làm giàu cho công ty, góp phần phục hưng nền kinh tế nước Pháp, vừa để "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh", phục vụ trực tiếp cho cuộc chiến tranh xâm lược. Trong giai đoạn 1954-1975, quân đội Pháp bại trận buộc phải rút về nước, Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam. Các chủ đồn điền người Pháp mất chỗ dựa, vừa buộc phải tuân thủ các quy định khắt khe của chính quyền Sài Gòn, vừa phải đối phó với phong trào kháng chiến của nhân dân địa phương, trong đó có công nhân ngay trong đồn điền của mình. Vì nhiều lý do (mức độ tàn phá của giao tranh quân sự, sự o ép của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, lực lượng công nhân mai một do bỏ đồn điền đi kháng chiến...), hoạt động sản xuất kinh doanh cao su phát triển lên đỉnh cao năm 1963, sau đó giảm dần xuống. Vườn cao su là nơi diễn ra những trận đánh và chiến dịch lớn. Hoạt động của chủ và công nhân đồn điền gắn liền với hoạt động của Quân giải phóng, với phong trào kháng chiến của nhân dân địa phương. Lợi nhuận thu được từ chủ tư bản vừa cung cấp một phần cho hoạt động kháng chiến.

Sự ra đời và hoạt động của các đồn điền cao su (của tư bản Pháp và tư sản người Việt và người Hoa) tại Thủ Dầu Một từ đầu thế kỷ XX đến năm 1975 đã đặt nền móng quan trọng cho quá trình nhân dân tỉnh Bình Dương tiếp quản, duy trì và phát triển ngành kinh tế cao su trong thời kỳ sau năm 1975. Cơ sở vật chất, kinh nghiệm, truyền thống của ngành cao su Thủ Dầu Một trong quá khứ trở thành những nhân tố có ý nghĩa tiền đề và đòn bẩy để công nhân cao su Bình Dương phát huy trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập và phát triển.

CHÚ THÍCH

(1). Dưới triều Nguyễn, vùng đất Thủ Dầu Một thuộc tổng (sau đổi thành huyện) Bình An, tỉnh Biên Hòa, gồm các khu vực Bến Cát, Dầu Tiếng, Hớn Quản, Bình Long, Lộc Ninh, Lái Thiêu và một phần đất Thủ Đức ngày nay. Huyện lỵ đặt tại làng Phú Cường. Dưới thời Pháp xâm lược, ngày 5-1-1876, chính quyền thực dân thành lập tiểu khu Thủ Dầu Một thuộc khu vực Sài Gòn (một trong bốn khu vực hành chính toàn Nam Kỳ). Đến ngày 20-12-1899 đổi tiểu khu Thủ Dầu Một thành tỉnh Thủ Dầu Một gồm 12 tổng và 8 làng cả người Việt và người dân tộc thiểu số thuộc địa phận tỉnh Bình Dương và một phần tỉnh Bình Phước ngày nay.

(2). *Quá trình hình thành và phát triển ngành cao su Việt Nam*, Tập san *Cao su Việt Nam*, tháng 9-10/1997, Số 58-59, tr. 11.

(3), (4). Thành Nam, *Phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân cao su miền Đông Nam Bộ*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1982, tr. 20, 21.

(5). Ngoài 4 công ty nói trên, tại miền Đông Nam Bộ còn có các công ty cao su khác như: Công ty Cao su Đông Dương (Société Indochinoise des Plantations d'Hévéas, gọi tắt là SIPH) với các đồn điền: Dầu Giây, An Lộc, Bình Lộc, Ông Quế, Bến Củi, Bình Ba; Công ty Cao su Xuân Lộc với 1 đồn điền là Hàng Gòn; Công ty cao su Đồng Nai (Les caoutchoucs du Donai) với 3 đồn điền Trảng Bom, Cây Gáo, Túc Trưng; Công ty Cao su Tây Ninh (Société des Hévéas de Tây Ninh) với các đồn điền Vên Vên, Trà Vỡ, Hiệp Thành, Cầu Khởi; và nhiều công ty cao su nhỏ khác. Trong số các công ty nói trên, chỉ có 4 công ty lớn là Công ty Cao su Đông Dương (SIPH), Công ty cao su Đất Đỏ (TERRES ROUGES), Công ty cao su Viễn Đông (CEXO) và Công ty cao su Michelin.

(6). Đặng Văn Vinh, 100 năm cao su ở Việt Nam, Nxb. Nông Nghiệp, Hà Nội, 2000, tr. 16.

(7). *Quá trình hình thành và phát triển ngành cao su Việt Nam*, Tập san *Cao su Việt Nam*, tháng 9-10/1997, Số 58-59, tr. 51.

(8). Theo Charles de Gaulle (*Hồi ký chiến tranh*, Nxb Plông, Paris, 1959), nước Pháp sau chiến tranh có 6 triệu người không có nhà ở; 400.000 người thất nghiệp hoàn toàn. Ngân sách

năm 1945 thiếu hụt 55%, lợi tức sản xuất năm 1945 dự tính không bằng một nửa so với năm 1938, đồng fr mất giá từng ngày.

(9), (10), (13). Liên hiệp Công đoàn Nam Bộ (1948), *Báo cáo chung niên năm 1948 về tình hình cao su ở Nam Bộ*. Lưu trữ Công đoàn Cao su Việt Nam, cặp 48, tr. 13, 21, [4, 6, 7, 9].

(11). Ban nghiên cứu lịch sử công đoàn Việt Nam, *Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp (9/1945-7/1954)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1985; Liên đoàn cao su Nam Bộ, *Thành tích đấu tranh của công nhân cao su và tình hình công nhân Nam Bộ từ 1945 đến 1949*, lưu trữ Ban sử Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Tài liệu BS-03, 1949, tr. 237-238.

(12). Liên đoàn cao su Nam Bộ, *Sinh hoạt và thành tích công nhân Nam Bộ năm 1947*. Lưu trữ Công đoàn Cao su Việt Nam, cặp 47, 1947, tr. 237-238.

(14). Liên hiệp Công đoàn Nam Bộ, *Báo cáo công tác phá hoại cao su địch năm 1949*. Lưu trữ Công đoàn Cao su Việt Nam, cặp 49, 1949.

(15). Mật điện số 42. Lưu trữ Công đoàn Cao su Việt Nam, cặp năm 1949.

(16). Công đoàn cao su Việt Nam, *Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam (1906-2001)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2003, tr. 271.

(17). Minh Tấn, *Ngành trồng tỉa cao su Việt Nam*, Tập san phòng thương mại Sài Gòn, ngày 3-5-1959, số 68-1959, tr. 12.

(18). Số liệu thống kê các năm 1961-1965, Viện kinh tế Sài Gòn. Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

(19). Số liệu thống kê các năm 1965-1972, Viện kinh tế Sài Gòn. Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

(20). Số liệu thống kê các năm 1972-1974, Viện kinh tế Sài Gòn. Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

(21). Liên hiệp Công đoàn cao su miền Đông Nam Bộ (1974), *Báo cáo tình hình sản xuất cao su vùng giải phóng năm 1974*. Lưu trữ Công đoàn Cao su Việt Nam.